

# LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

## QUYỂN 66

### LUẬN VỀ HỮU TÌNH (Phần 4)

Hỏi: Trước đây nói Thánh đạo là tánh Sa-môn, hữu vi-vô lậu và các trạch diệt là quả của Thánh đạo này, cho nên gọi là quả Sa-môn; do lực của đạo vô lậu mà chứng được thì có thể thiết lập tên gọi này, do lực của đạo thế tục mà chứng được thì như quả nhất lai-Bất hoàn, tại sao gọi là quả Sa-môn?

Đáp: Như đạo vô lậu lìa nhiễm cõi Dục, nếu gặp bội hoặc là hoàn toàn thì thiết lập phạm vi của quả; như vậy Thánh giả dùng đạo thế tục lìa nhiễm của cõi Dục, hoặc gặp bội-hoặc hoàn toàn cũng thiết lập quả Nhất lai và quả Bất hoàn, cho nên cả hai cũng được tên gọi là quả Sa-môn.

Tôn giả Tăng-già-phiệt-tô nói rằng: “Lúc dùng đạo thế tục để lìa nhiễm cõi Dục thì cũng tu vị lai; do các đạo vô lậu mà đạt được hai quả là quả của đạo ấy, cho nên cũng được kiến lập tên gọi là quả Sa-môn.” Vị ấy không nên đưa ra cách nói này. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì Thánh đạo vị lai chưa có tác dụng, làm sao đối với bên này bên kia mà có được tên gọi của quả?

Có Sư khác nói: “Lúc dùng đạo thế tục để lìa nhiễm cõi Dục thì vô lậu được chuyển biến luôn luôn nối tiếp nhau, hai quả đã đạt được là quả của đạo ấy, cho nên cũng được kiến lập tên gọi là của Sa-môn”. Vị ấy không nên đưa ra cách nói này. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì đạt được không có tác dụng chứng đoạn về đoạn kiết, làm sao đối với bên này-bên kia mà có được tên gọi của quả?

Lại có người nói: “Lúc dùng đạo thế tục đạt được hai quả, định Kim cang dụ hiện ở trước mắt, chứng được toàn bộ một vị đoạn do kiến tu mà đoạn của ba cõi, đoạn đã đạt được trước đó là quả của Định này,

cho nên gọi là quả Sa-môn, bởi vì Định này là tánh Sa-môn chân thật”.

Người ấy cũng không nên đưa ra cách nói như vậy. Nguyên cố thể nào? Bởi vì lúc đạt được hai quả thì chưa đạt được Định này, nếu đạt được Định này thì mất tên gọi của quả kia, làm sao hai quả ấy lại gọi là của Sa-môn?

Nên đưa ra cách nói này: Từ phần nhiều mà kiến lập tên gọi, bởi vì phần nhiều là do Thánh đạo mà đạt được quả, nghĩa là lúc đạo thể tục đạt được hai quả tất cả đoạn do kiến mà đoạn của ba cõi, đều là do lực của Thánh đạo mà đạt được cho nên gọi là quả Sa-môn, tuy có lúc đoạn sáu phẩm-chín phẩm của cõi dục do tu mà đoạn nhưng không phải là Thánh đạo đạt được. Nhưng thuận theo phần nhiều cũng được kiến lập tên gọi là quả Sa-môn, bởi vì một đạo vô lậu đạt được do toàn bộ mà đạt được.

Hỏi: Như vậy đã nói thì bốn quả Sa-môn có mấy loại là giả danh, mấy loại là thật nghĩa?

Đáp: Hai loại là giả danh, đó là quả nhất lai và quả bất hoàn, hai loại là thật nghĩa, đó là quả Dự lưu và quả A-la-hán.

Hỏi: Tại sao quả Nhất lai Bất hoàn gọi là quả giả danh, quả Dự lưu và A-la-hán thì gọi là quả thật nghĩa?

Đáp: Các đạo thể tục là đạo giả danh, hai quả ở giữa do phần ít của đạo ấy mà đạt được, lấy nhiều thuận theo ít cho nên gọi là quả giả danh; các đạo vô lậu là đạo thật nghĩa, hai quả đầu và cuối hoàn toàn do đạo ấy mà đạt được, cho nên quả đầu và quả cuối gọi là quả thật nghĩa. Lại nữa, hai quả ở giữa thì hai đạo hữu lậu và vô lậu cùng đạt được, cho nên gọi là quả giả danh, giả danh tức là nghĩa cùng nhau mà đạt được, như vật cùng nhau có thì gọi là vật giả danh; hai quả đầu và cuối chỉ là do lực của đạo vô lậu mà đạt được, cho nên gọi là quả thật nghĩa, thật nghĩa tức là nghĩa một mình mà đạt được, như vật một mình có thì gọi là vật thật nghĩa. Lại nữa, hai quả ở giữa do đạo thể tục và Thánh đạo tạm thời thiết lập danh ngôn mà chứng được, cho nên gọi là quả giả danh, nghĩa là lúc hai đạo ấy thuộc về vị lai thì mượn làm nghĩa mà nói, đã cùng chung một sự việc-thể làm một công việc tất cả đều tùy hỷ; hai quả đầu và cuối chỉ do Thánh đạo đạt được, không phải là do hai đạo tạm thời thiết lập danh ngôn mà chứng được, cho nên gọi là quả thật nghĩa.

Có Sư khác nói: Quả giả danh, đó là hai quả đầu, bởi vì chỉ có Thanh văn thừa mà chứng được, quả thật nghĩa, đó là hai quả sau, bởi vì tất cả Thanh văn độc giác và đại giác đều chứng được. Nhiều là thật nghĩa, ít là giả danh.

**Lời bình:** Vị ấy không nên đưa ra cách nói này, bởi ít nhiều không phải là biểu thị cho giả danh-thật nghĩa. Trong này, cách nói trước đối với lý là thích hợp. Nguyên cố thế nào? Bởi vì quả Sa-môn, là do lực của tánh Sa-môn mà dẫn dắt đạt được, chỉ riêng đạo vô lậu là tánh Sa-môn, thành tựu đạo ấy thì gọi là Sa-môn thật sự, cho nên do đạo ấy mà đạt được hai quả, gọi là quả Sa-môn thật nghĩa. Các đạo thế tục không phải là tánh Sa-môn, thành tựu đạo ấy thì gọi là Sa-môn giả danh, cho nên do đạo ấy mà đạt được hai quả, gọi là quả Sa-môn giả danh.

Hỏi: Đạo là hữu vi, có Hạ trung thượng, tùy theo của nhân mà sinh, có thể gọi là quả; Đoạn là vô vi, không có Hạ-Trung-Thượng, không gọi là do nhân mà sinh, tại sao gọi là quả?

Đáp: Đạo tuy không sanh mà là chứng gia hạnh đã đạt được cho nên cũng gọi là quả. Nghĩa là Sư-du-già ở trên đỉnh núi cao hoặc ở trong tịnh thất, tiết chế ăn uống-giảm bớt ngủ nghỉ và vật dụng cung cấp cho thân, thọ trì bảy pháp nhỏ-bảy pháp lớn mỗi ngày, giữ gìn rất yên ổn, đi cầm theo gậy pháp, từ hôm nay ẩn đi đến ngày mai hiện ra, phát khởi tinh tiến dũng mãnh thù thắng, lần lượt chuyển tiếp dẫn dắt sinh ra Thánh đạo vô lậu, từ đây chứng được bốn quả Sa-môn. Lúc ấy người chỉ bày hướng dẫn khen ngợi hỏi han người kia rằng: Khéo thay, khéo thay! Ông có năng lực tinh tiến tu tập gia hạnh đúng đắn, nay đạt được quả này. Như người làm nông vào giữa tháng sáu, sửa sang bờ ruộng gieo hạt nhỏ chăm lo việc đồng áng, thời gian sau thu hoạch thóc lúa đầy mè chứa đầy trong kho lẫm, người làm nông trước kia khen ngợi hỏi han người ấy rằng: Hay thay, khéo thay! Ông vào giữa tháng sáu làm lụng vất vả biết bao, nay có được kết quả này. Vì vậy, Đạo và Đoạn đều có được tên gọi của quả. Như vậy đã nói về bốn quả Sa-môn.

Hỏi: Mấy loại là quả của Tịch lự?

Đáp: Bốn loại là quả của Tịch lự và quả quyền thuộc của Tịch lự.

Hỏi: Mấy loại là quả của vô sắc?

Đáp: Một loại, đó là quả A-la-hán.

Hỏi: Mấy loại là quả của Tịch lự căn bản?

Đáp: Hai loại, đó là quả Bất hoàn và quả A-la-hán.

Hỏi: Mấy loại là quả của cận phần Tịch lự?

Đáp: Bốn loại, đó là cận phần của Tịch lự thứ nhất chứ không phải là Tịch lự nào khác, Tịch lự trung gian nói như Tịch lự căn bản.

Hỏi: Mấy loại là quả của vô sắc căn bản?

Đáp: Một loại, đó là quả A-la-hán.

Hỏi: Máy loại là quả của cận phần vô sắc?

Đáp: Không có.

Hỏi: Máy loại là quả của kiến đạo?

Đáp: Ba loại, đó là trừ ra quả Dự lưu.

Hỏi: Máy loại là quả của Nhẫn?

Đáp: Ba loại, đó là trừ ra quả A-la-hán.

Hỏi: Máy loại là quả của Trí?

Đáp: Ba loại, đó là trừ ra quả Dự lưu.

Hỏi: Máy loại là quả của pháp trí?

Đáp: Ba loại, đó là trừ ra quả Dự lưu.

Hỏi: Máy loại là quả của loại trí?

Đáp: Một loại, đó là quả A-la-hán.

Hỏi: Máy loại là quả của phẩm pháp trí?

Đáp: Ba loại, đó là trừ ra quả Dự lưu.

Hỏi: Máy loại là quả của phẩm loại trí?

Đáp: Bốn loại.

Hỏi: Máy loại là quả của đạo thế tục?

Đáp: Hai loại, đó là quả Nhất lai và quả Bất hoàn.

Hỏi: Máy loại là quả của đạo vô lậu?

Đáp: Bốn loại.

Như trong kinh nói: “Vĩ sinh oán vương là con trai vua Phệ-đề-tứ nước Ma-kiệt-đà, đi đến nơi đức Phật, đến rồi đầu lay sát hai chân đức Thế tôn, xong lùi về ngồi một bên mà thưa với đức Phật rằng: Là có quả Sa-môn hiện trông thấy hay không? Đức Phật nói cũng có. Nhà vua hỏi thế nào? Đức Thế tôn bảo rằng: Nay ta hỏi nhà vua, nên tùy ý trả lời. Nếu người hầu hạ cho nhà vua hoặc các tôi tớ không được tự tại, có lúc thấy nhà vua bước lên cung điện cao sang bày năm loại kỹ nhạc chơi đùa vui sướng cùng với các quyến thuộc, họ đã thấy rồi dấy lên ý nghĩa như vậy: Mình cũng là người vì sao không được như vậy, nhưng mà nhà vua ở đời trước tu nhiều phước nghiệp, cho nên ở đời này nhận được quả báo tốt đẹp này, mình từ hôm nay cần phải tu nghiệp tốt đẹp thì cũng sẽ như nhà vua được mọi người kính trọng và ao ước. Dấy lên ý nghĩ này rồi liền bỏ phép tắc trong gia đình họ hàng, cạo bỏ râu tóc-khoác mặc ca sa, thọ trì ba quy y và giới Thanh tịnh, đối với người nghiệp đạo có thể đoạn có thể tu. Nhà vua sai người khác ở bên ngoài tìm hiểu trông thấy rồi, lập tức trở về trình bày rõ ràng đầy đủ sự việc trên, đề nghị nhà vua bắt lấy đem về sai khiến như lúc trước, nhà vua nghe nói sự việc ấy có như lời đề nghị của người kia hay không? Nhà vua nói: Không thể

nào, nếu có người này thì con phải đi đến gặp gỡ mà lễ lạy cúng dường cung kính, như người ấy lúc trước đây cung cấp hậu hạ cho con, con từ bây giờ lại cung cấp hậu hạ người ấy đến hết cuộc đời mình, giúp cho áo quần-ăn uống-thuốc thang-nhà cửa-đồ nằm và các duyên cung cấp khiến cho không thiếu thốn thứ gì. Đức Phật bảo với nhà vua rằng: Sự việc như vậy lẽ nào không phải là quả Sa-môn hiện trông thấy hay sao? Nhà vua thưa với đức Phật rằng: Đúng như Thánh giáo!”

Hỏi: Các quả Sa-môn thật sự chỉ có bốn, tại sao kinh này lại nói đến loại thứ năm?

Đáp: Quả Sa-môn chân thật chỉ có bốn, kinh này nói quả Sa-môn hiện trông thấy, chỉ là quả Sĩ dụng gần của xuất gia.

Hỏi: Xuất gia đã không phải là tánh Sa-môn chân thật, làm sao nói là có quả Sa-môn?

Đáp: Xuất gia tuy không phải là tánh Sa-môn chân thật, mà thế gian tạm mượn để thiết lập tên gọi của tánh Sa-môn, cho nên những người thế gian trông thấy người xuất gia, thì nói là mình trông thấy Sa-môn như vậy. Vì vậy quả Sĩ dụng gần của xuất gia, cũng được tạm mượn để thiết lập tên gọi của quả Sa-môn, tên gọi hiện trông thấy này biểu thị không phải là thật nghĩa.

Kinh Sư tử Hống lại đưa ra cách nói này: “Chỉ riêng trong pháp của Ta có bốn loại Sa-môn, đó là Sa-môn thứ nhất cho đến Sa-môn thứ tư, trong pháp của ngoại đạo không có Sa-môn và Bà-la-môn chân thật, chỉ có tên gọi trống rỗng. Đối với sự việc như vậy đích thực là Sư tử hống ở giữa đại chúng cũng không có gì sợ hãi”.

Nên biết trong này, Sa-môn thứ nhất ấy gọi là các Dự lưu, Sa-môn thứ hai ấy gọi là các Nhất lai, Sa-môn thứ ba ấy gọi là các Bất hoàn, Sa-môn thứ tư ấy gọi là các A-la-hán.

Hiếp tôn giả nói: “Nên biết trong kinh này đức Phật thuận theo người hơn hẳn ở trước tiên mà nói, Sa-môn thứ nhất ấy gọi là các A-la-hán, Sa-môn thứ hai ấy gọi là các bất hoàn, Sa-môn thứ ba ấy gọi là các Nhất lai, Sa-môn thứ tư ấy gọi là các Dự lưu”.

Trong kinh Thiện Hiền lại đưa ra cách nói này: “Nếu nơi này có tám chi Thánh đạo thì nên biết là nơi ấy có bốn loại Sa-môn, đó là Sa-môn thứ nhất cho đến Sa-môn thứ tư”.

Trong này có người nói: Hưởng về bốn quả gọi là bốn Sa-môn, Sa-môn thứ nhất thì gọi là Dự lưu Hưởng, Sa-môn thứ hai thì gọi là Nhất lai hưởng, Sa-môn thứ ba thì gọi là Bất hoàn hưởng, Sa-môn thứ tư thì gọi là A-la-hán Hưởng.

Hiếp tôn giả nói: “Trong kinh này nói bốn loại Hưởng và nói bốn Quả, nếu nơi này có tám chi Thánh đạo thì chính là nói đến bốn Hưởng, nên biết là nơi ấy có bốn loại Sa-môn thì chính là nói về bốn Quả”.

Trong kinh Chuẩn Đà cũng đưa ra cách nói này: “Sa-môn có bốn chứ không có thứ năm. Bốn Sa-môn là:

1. Sa-môn thắng đạo.
2. Sa-môn thị đạo.
3. Sa-môn mạng đạo.
4. Sa-môn ô đạo”.

Nên biết trong này, Sa-môn thắng đạo thì nghĩa là Phật Thế tôn tự mình có năng lực giác ngộ, tất cả Độc giác nên biết cũng như vậy. Sa-môn thị đạo thì nghĩa là Tôn Xá-lợi-tử, bởi vì không có ai sánh bằng, vốn là vị tướng trong đại pháp, thường có năng lực thuận theo đức Phật chuyển pháp luân; tất cả Thanh văn vô học nên biết cũng như vậy. Sa-môn mạng đạo, nghĩa là tôn giả A-nan-đà, tuy ở phần vị học mà giống như vô học, vốn có đa văn-nghe mà nhớ mãi không quên và đầy đủ giới cấm Thanh tịnh, tất cả hữu học nên biết cũng như vậy. Sa-môn ô đạo, nghĩa là Tỳ kheo Mạc-yết-lạc-ca thích lấy trộm tiền bạc vật dụng của người khác...

Hỏi: Như trong ba kinh đã dẫn ra ở trên đều nói đến Sa-môn có gì sai biệt?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Kinh Sư tử hống nói đến Sa-môn ấy nghĩa là trú trong bốn quả, trong kinh Thiện Hiền nói đến Sa-môn ấy nghĩa là thực hành bốn hưởng, trong kinh Chuẩn Đà nói đến Sa-môn ấy nghĩa là trú trong bốn quả và thực hành các Hưởng.

Có Sư khác nói: Kinh Sư tử Hống nói đến Sa-môn ấy nghĩa là trú trong bốn quả, trong kinh Thiện Hiền nói đến Sa-môn ấy nghĩa là thực hành bốn hưởng và trú trong bốn quả, trong kinh Chuẩn Đà nói đến Sa-môn ấy nghĩa là thâm nhiếp đầy đủ tất cả Sa-môn.

Hoặc có người nói: Kinh Sư Tử Hống và kinh Thiện Hiền nói đến Sa-môn ấy nghĩa là trú trong bốn quả, trong kinh Chuẩn Đà nói đến Sa-môn ấy nghĩa là tất cả Sa-môn trú trong quả và Hưởng.

Lại có người nói: Kinh Sư Tử Hống và kinh Thiện Hiền nói đến Sa-môn ấy nghĩa là Học và vô học, trong kinh Chuẩn đà nói đến Sa-môn ấy nghĩa là Học-vô học và Phi học phi vô học.

Có người đưa ra cách nói này: Kinh Sư Tử Hống và Kinh Thiện Hiền nói đến Sa-môn ấy nghĩa là các Thánh giả, trong kinh Chuẩn Đà nói đến Sa-môn ấy nghĩa là các Thánh giả và các đệ sinh.

Lại có người nói: Kinh Sư Tử Hống và Kinh Thiện Hiền nói đến Sa-môn ấy nghĩa là người trì giới, trong Chuẩn đà nói đến Sa-môn ấy nghĩa là người trì giới và người phạm giới.

Hoặc lại có người nói: Trong ba kinh này đã nói đến Sa-môn thì nghĩa lý không có sai biệt gì.

Hỏi: Hai kinh trước nói có bốn Sa-môn, Sa-môn ô đạo lẽ nào do bốn mà thâm nhiếp hay sao?

Đáp: Cũng do bốn mà thâm nhiếp, đó là Dự lưu hướng. Nhưng Dự lưu Hướng có gần-có xa, gần nghĩa là kiến đạo, xa nghĩa là người trước đây thuận quyết trạch phần-Thuận giải thoát phần cho đến chánh tín mà xuất gia. Như trong kinh nói: “Có bốn loại Dự lưu chi, đó là nhân của chi thân cận Thiện sĩ, lắng nghe chánh pháp, như lý tác ý, pháp tùy pháp hành”. Danh-nghĩa của Hướng không có sai biệt.

Hỏi: Trong kinh Thiện Hiền nói: “Nếu nơi này có tám chi Thánh đạo thì nên biết là nơi ấy có bốn loại Sa-môn”. Sa-môn ô đạo lẽ nào do bốn loại này thâm nhiếp hay sao?

Đáp: Cũng do bốn loại này thâm nhiếp, bởi vì chi Thánh đạo có thật-có giả, thật nghĩa là tám chi như chánh kiến vô lậu..., giả nghĩa là tám chi như chánh kiến hữu lậu... Sa-môn ô đạo cũng có thể thành chánh kiến hữu lậu, cho nên loại ấy cũng là Sa-môn thứ nhất thâm nhiếp.

Lại có người nói: Hai kinh trước nói đến bốn loại Sa-môn, tức là trong kinh thứ ba đã nói đến bốn loại như thắng đạo... chứ không phải là Dự lưu..., cho nên ba kinh này đã nói không có gì khác nhau.

Hỏi: Kinh thứ nhất đã nói nên thông hiểu thế nào? Chỉ riêng trong pháp của Ta có bốn loại Sa-môn, Phật chính là Sư Tử Hống ở giữa đại chúng, đức Thế tôn lẽ nào nói chỉ riêng trong pháp của Ta, có hủy phạm giới cấm mà lại là Sư Tử Hống hay sao?

Đáp: Nói cũng không sai. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì Sa-môn ô đạo tuy là phá giới mà không phá kiến, tuy phá gia hạnh mà không phá ý thích. Giả sử có người hỏi rằng: Ông phạm giới xấu xa là thiện hay bất thiện? Người ấy nói bất thiện. Là nên làm hay là không nên làm? Người ấy nói không nên làm. Là có dị thực hay là không có dị thực? Người ấy nói có dị thực. Là được quả đáng yêu thích hay là được quả không đáng yêu thích? Người ấy nói được quả không đáng yêu thích. Là nhận lấy nẻo ác hay là nhận lấy nẻo thiện? Người ấy nói nhận lấy nẻo ác. Là tự thân mình nhận lấy hay là thân người khác nhận lấy? Người ấy nói tự thân mình nhận lấy. Là lỗi của vị thầy-là lỗi của giáo pháp hay là lỗi của chính bản thân? Người ấy nói không phải là lỗi của vị thầy,



cũng không phải là lỗi của giáo pháp mà chính là lỗi của bản thân mình. Người ấy có chánh kiến hữu lậu như vậy, tin chắc có nhân quả, không ngu muội nhân quả. Chánh kiến như vậy, chín mươi sáu loại ngoại đạo vốn không có, cho nên đức Phật chính là Sư Tử Hống giữa đại chúng, dựa vào đó mà nói cũng không có gì sai lầm.

Như trong kinh nói: “Đức Phật bảo với tỳ kheo: Ta thật sự thấy biết có ba loại người; có nhiều việc đã làm đối với các Hữu tình, ân của họ khó đền đáp nổi, giả sử suốt đời dùng các loại áo quần-ăn uống-đồ nằm-thuốc thang tốt đẹp bậc nhất, và các vật dụng cung cấp cho sinh hoạt khác mà cúng dường họ, cũng không thể nào đền đáp được. Thế nào là ba loại người? Đó là:

1. Có người nói pháp cho người khác, làm cho rời bỏ phép tắc gia đình họ hàng hương về nơi không phải là gia đình họ hàng, cạo bỏ râu tóc-khoác mặc ca sa, dùng tâm chánh tín thọ trì tịnh giới.

2. Có người nói pháp cho người khác, khiến cho biết rõ pháp tập hợp đều là pháp hoại diệt, xa lìa trần cấu từ trong các pháp sinh ra pháp nhãn Thanh tịnh.

3. Có người nói pháp cho người khác, khiến cho không còn các lậu, chứng được tâm vô lậu-tuệ giải thoát, ở trong pháp hiện tại tự mình có năng lực thông đạt về các đời sống đã hết, đầy đủ mà an trú”.

Hỏi: Khuyến khích người khác để họ tiếp nhận luật nghi cận sự, người này cũng gọi là có nhiều việc đã làm, ân của họ khó đền đáp, vì sao trong kinh này không nói?

Đáp: Điều cần nói mà không nói, thì nên biết là nghĩa này có khác. Lại nữa, luật nghi xuất gia là nhân-là quả, cho nên kinh chỉ nói điều ấy; nghĩa là quả luật nghi cận sự này, là nhân của luật nghi xuất gia.

Lại nữa, người khuyến khích xuất gia, tức là khuyến khích người ta tiến và thánh pháp, cho nên kinh chỉ nói điều ấy. Nghĩa là tiến và Thánh pháp sơ lược có hai loại:

1. Thế tục.
2. Thắng nghĩa.

Thế tục, nghĩa là rời bỏ phép tắc gia đình họ hàng hương về nơi không phải là gia đình họ hàng, cạo bỏ râu tóc-khoác mặc ca sa, dùng tâm chánh tín thọ trì tịnh giới; thắng nghĩa, nghĩa là từ Thế đệ nhất pháp tiến vào khổ pháp trí nhãn.

Lại nữa, người khuyến khích xuất gia, tức là khuyến khích người ta trừ bỏ việc làm tầm thường đê tiện, cho nên kinh chỉ nói điều ấy.

Nghĩa là người tại gia phần nhiều bị các loại sự việc xấu xa đê tiện tầm thường làm cho bức bách vô cùng, mà những người xuất gia thì thoát khỏi điều này.

Lại nữa, người khuyến khích xuất gia, tức là khuyến khích người ta thoát khỏi mọi khổ đau, cho nên kinh chỉ nói điều ấy. Nghĩa là người xuất gia thoát khỏi những điều khổ não của thân hiện tại, từ đây lần lượt chuyển tiếp thoát khỏi tất cả pháp sinh tử là sinh lão bệnh tử ưu bi khổ não. Lại nữa, người khuyến khích xuất gia, tức là khuyến khích người khác tiếp nhận niềm vui trong pháp hiện tại, từ đây lần lượt chuyển tiếp lại đạt được niềm an lạc tự tại hoàn toàn, cho nên kinh chỉ nói điều ấy.

Lại nữa, người khuyến khích xuất gia, tức là khuyến khích người khác hiện rõ thân đức Phật xuất thế, cho nên kinh chỉ nói điều ấy. Hiện rõ thân đức Phật xuất thế sơ lược có hai loại:

1. Thế tục.
2. Thắng nghĩa.

Thế tục, nghĩa là rời bỏ phép tắc gia đình họ hàng hưởng về nơi không còn gia đình họ hàng, cạo bỏ râu tóc khoác mặc ca sa, dùng tâm chánh tín thọ trì tịnh giới, thắng nghĩa, nghĩa là đạt được giác ngộ Thanh tịnh chân thật đối với bốn Thánh đế, lúc mới xuất gia đã hiện rõ thân đức Phật xuất hiện ở thế gian với hình thức thế tục, đã xuất gia rồi lần lượt chuyển tiếp tu hành lại hiện rõ thân đức Phật xuất hiện ở thế gian với hình thức thắng nghĩa.

Lại nữa, người khuyến khích xuất gia, tức là khuyến khích người khác học theo thân của chư Phật, cho nên kinh chỉ nói điều ấy. Nghĩa là thân của chư Phật tóm lược có hai loại:

1. Sinh thân.
2. Pháp thân.

Nếu rời bỏ phép tắc gia đình họ hàng hưởng về nơi không còn gia đình họ hàng, cạo bỏ râu tóc-khoác mặc ca sa, dùng tâm chánh tín thọ trì tịnh giới, thì nên biết chính là học theo sinh thân của đức Phật; nếu có năng lực lần lượt chuyển tiếp tu tập chánh hạnh, đối với bốn Thánh đế phát khởi giác ngộ Thanh tịnh chân thật, thì nên biết chính là học theo pháp thân của đức Phật.

Lại nữa, người khuyến khích xuất gia, tức là khuyến khích người khác học theo công hạnh của chư Phật, cho nên kinh chỉ nói điều ấy. Nhưng công hạnh của chư Phật tóm lược có hai loại:

1. Thế tục.
2. Thắng nghĩa.

Thế tục, nghĩa là rời bỏ phép tắc gia đình họ hàng hưởng về nơi không còn gia đình họ hàng cạo bỏ râu tóc-khoác mặc ca sa, dùng tâm chánh tín thọ trì tịnh giới, thắng nghĩa, nghĩa là đối với bốn thánh đế có năng lực biết rõ ràng chí xác, lúc mới xuất gia đã có năng lực tùy thuận học theo công hạnh của đức Phật với hình thức thế tục, đã xuất gia rồi tinh tiến tu hành lại có năng lực tùy thuận học theo công hạnh của đức Phật với hình thức thắng nghĩa.

Lại nữa, người khuyến khích xuất gia, tức là khuyến khích người khác tiến vào biển pháp của Phật, cho nên kinh chỉ nói điều ấy. Nghĩa là nếu có người rời bỏ phép tắc gia đình họ hàng, xuất gia với niềm tin Thanh tịnh, thì gọi là bắt đầu tiến vào biển pháp của chư Phật; nếu không còn các lậu, chứng nhận Niết-bàn thì gọi là hoàn toàn tiến vào biển pháp của chư Phật. Lại nữa, người khuyến khích xuất gia, tức là khuyến khích người khác quyết định hưởng vào con đường giải thoát chân thật, cho nên kinh chỉ nói điều ấy. Như trong kinh nói: “Những người xuất gia, đối với bốn Thánh đế nhất định đạt được trí kiến hiện quán đúng như thật”. Lại nữa, người khuyến khích xuất gia, tức là khuyến khích người khác quyết định sẽ đạt được ba loại luật nghi, đó là luật nghi biệt giải thoát-luật nghi Tĩnh lự-luật nghi vô lậu, cho nên kinh chỉ nói điều ấy.

Lại nữa, người khuyến khích xuất gia, tức là khuyến khích người khác quyết định sẽ đạt được ba loại uẩn thiện, đó là Giới uẩn-Định uẩn-Tuệ uẩn, cho nên kinh chỉ nói điều ấy. Như ba uẩn thiện, như vậy ba Học-ba Tu-ba Tịnh nên biết cũng như thế. Lại nữa, người khuyến khích xuất gia, tức là khuyến khích người khác quyết định sẽ đạt được ba loại chánh đạo, đó là kiến đạo-Tu đạo-Vô học đạo, cho nên kinh chỉ nói điều ấy. Như ba Chánh đạo, ba địa cũng như vậy.

Lại nữa, người khuyến khích xuất gia, tức là khuyến khích người khác quyết định sẽ đạt được ba căn vô lậu, đó là vị tri đương tri căn-Dĩ tri căn và Cụ tri căn, cho nên kinh chỉ nói điều ấy. Lại nữa, người khuyến khích xuất gia, tức là khuyến khích người khác nếu như thích hợp thì sẽ đạt được ba loại Bồ đề, đó là Bồ đề Thanh văn, Bồ đề Độc giác và Bồ đề vô thượng, cho nên kinh chỉ nói điều ấy.

Lại nữa, người khuyến khích xuất gia, tức là khuyến khích người khác quyết định sẽ đạt được ba loại Mâu-ni, đó là thân Mâu-ni, ngữ Mâu-ni và ý Mâu-ni, cho nên kinh chỉ nói điều ấy. Như ba Tịch tĩnh, ba Thanh tịnh cũng như vậy. Lại nữa, người khuyến khích xuất gia, tức là khuyến khích người khác xa lìa thân tâm, cho nên kinh chỉ nói điều ấy.

Nghĩa là lúc xuất gia thì thân sẽ ít sự cố, thân ít sự cố cho nên tâm cũng ít sự cố, từ đây mà xa lìa ác nghiệp và phiền não.

Lại nữa, người khuyến khích xuất gia, tức là khuyến khích người khác lìa bỏ cấu trược của thân tâm, cho nên kinh chỉ nói điều ấy. Nghĩa là lúc xuất gia thì thân sẽ Thanh tịnh, thân Thanh tịnh cho nên tâm cũng Thanh tịnh, thân tâm Thanh tịnh cho nên phiền não và nghiệp cấu trược nhanh chóng được trừ diệt. Lại nữa, người khuyến khích xuất gia, tức là khuyến khích người khác làm cho thân tâm tốt đẹp, cho nên kinh chỉ nói điều ấy. Nghĩa là lúc xuất gia thì thân sẽ tốt đẹp, thân tốt đẹp cho nên tâm cũng tốt đẹp. Lại nữa, người khuyến khích xuất gia, tức là khuyến khích người khác làm cho thân tâm đoan nghiêm, cho nên kinh chỉ nói đến điều ấy. Nghĩa là lúc xuất gia thì thân sẽ đoan nghiêm, thân đoan nghiêm cho nên tâm cũng đoan nghiêm. Lại nữa, người khuyến khích xuất gia, tức là khuyến khích người khác quyết định sẽ đạt tịch tĩnh hoàn toàn chính là Niết-bàn cho nên kinh chỉ nói điều ấy.

Lại nữa, người khuyến khích xuất gia, tức là khuyến khích người khác đạt được pháp bất cộng, cho nên kinh chỉ nói điều ấy. Nghĩa là lúc xuất gia thì oai nghi-y phục và sự nghiệp đã làm, không giống với tất cả người tại gia. Lại nữa, người khuyến khích xuất gia, tức là khuyến khích người khác từ bỏ phiền não và nghiệp, cho nên kinh chỉ nói điều ấy. Nghĩa là lúc xuất gia thì cạo bỏ râu tóc-khoác mặc ca sa, thủ trì tịnh giới, phiền não và nghiệp ác đều dần dần rời bỏ, bởi vì hình dáng trang phục xuất gia không phải là nơi chứa đựng các loại ấy, như người sạch sẽ thơm tho thì hôi thối dơ bẩn không còn. Lại nữa, người khuyến khích xuất gia, tức là khuyến khích người khác làm nghiệp vô tận-đạt được tài sản vô tận, làm nghiệp vô tội-đạt được tài sản vô tội, làm nghiệp vô hại-đạt được tài sản vô hại, làm nghiệp không giống như ngoại đạo-đạt được tài sản không giống như ngoại đạo, làm nghiệp không giống như dị sinh-đạt được tài sản không giống như dị sinh, cho nên kinh chỉ nói điều ấy. Lại nữa, người khuyến khích xuất gia, tức là khuyến khích người khác luôn luôn tu học công hạnh như con ốc xoắn tròn, nghĩa là suốt đời tu phạm hạnh thuần khiết, những người tại gia không thể nào như vậy, cho nên kinh chỉ nói điều ấy.

Hỏi: Công hạnh như con ốc xoắn tròn (Loa họa), nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói này: “Xưa trong châu này có hai người Tiên, một vị tên gọi Hưởng khư, một vị tên gọi Lữ Xí, đây đủ phép tắc quy củ phạm hạnh bậc nhất, những người tại gia đều không

thể nào sánh bằng. Khuyến khích người khác xuất gia tức là khuyến khích giống như người Tiên ấy”.

Có người nói như vậy: Như trên vỏ ốc khắc chạm nét chữ hình ảnh kiên cố khó hư hoại, gió thổi-nắng hong và mọi duyên khác cuối cùng khó hủy diệt được; công hạnh của người xuất gia cũng lại như vậy, người tại gia không có thể tu công hạnh như vậy, tuy tạm thời thọ trì mà nhanh chóng bị hủy hoại.

Có sư khác nói: Như trên vỏ ốc khắc chạm nét chữ hình ảnh trong sạch rõ ràng, không có những vết bẩn; công hạnh của người xuất gia cũng lại như vậy, người tại gia không có thể tu hạnh như vậy, tuy hết sức thọ trì mà hãy còn lập tạp uế trước. Hiện thế người tại gia đạt được quả Bất hoàn, tuy lìa nhiễm cõi Dục mà sống ở nhà, tiếp nhận đồ vật tích trữ phát sinh số lượng hay không phát sinh số lượng, sự nghiệp đã làm chưa có gì Thanh tịnh, huống là có người tại gia đạt được hai quả đầu cùng với dị sinh tương tự không có gì sai biệt hay sao? Người xuất gia tuy phá giới cấm, nhưng hãy còn hơn hẳn người tại gia thọ trì giới, cho nên kinh chỉ nói khuyến khích người khác xuất gia thì ân đó khó đền đáp.

Lại nữa, người khuyến khích xuất gia, tức là khuyến khích người khác tu nghiệp tôn quý, đã đạt được quả báo hơn hẳn Diêm Ma vương-Luân vương-Đế thích, cho nên kinh chỉ nói khuyến khích người khác xuất gia thì ân đó khó đền đáp, khuyến khích người khác thọ trì các giới của cận sự tại gia, không có sự việc như vậy, cho nên kinh không nói đến.

Hỏi: Vì sao kinh này chỉ nói là khiến cho đạt được hai quả đầu và cuối thì ân đó khó đền đáp, chứ không nói đến khiến cho đạt được hai quả ở giữa?

Đáp: Điều cần phải nói mà không nói đến, thì nên biết là nghĩa này có khác. Lại nữa, trong này thâm nhiếp đầy đủ bốn quả Sa-môn. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì xa lìa trần cấu từ trong các pháp sinh ra pháp nhãn Thanh tịnh là nói đến ba quả trước, nghĩa là những người có đủ phiền não và lìa nhiễm thuộc năm phẩm của cõi Dục rồi, tiến vào chánh tánh ly sinh-sinh ra pháp nhãn Thanh tịnh, đạt đạt quả Dự lưu; nếu lìa nhiễm phẩm sáu-bảy-tám của cõi Dục rồi, tiến vào chánh tánh ly sinh-sinh ra pháp nhãn Thanh tịnh, thì đạt được quả Nhất lai, nếu lìa nhiễm vô sở hữu xứ rồi, tiến vào chánh tánh ly sinh-sinh ra pháp nhãn Thanh tịnh, thì đạt được quả Bất hoàn. Khiến cho không còn các lậu và đạt được tâm vô lậu-tuệ giải thoát, tức là khiến cho đạt được quả A-la-

hán, cho nên trong kinh này thấu nhiếp đầy đủ bốn quả.

Lại nữa, kinh này nói đạt được hai quả đầu và cuối tức là nói đạt được đầy đủ bốn quả Sa-môn, bởi vì hiện rõ từ đầu đến cuối, đầu nghĩa là quả Dự lưu, cuối tức là quả A-la-hán. Như hiện rõ từ đầu đến cuối, như vậy bắt đầu tiến vào-đã vượt qua gia hạnh cứu cánh, nên biết cũng như thế.

Lại nữa, kinh này nói đạt được hai quả đầu và cuối tức là đã nói đạt được hai quả ở giữa, nghĩa là đạt được quả Dự lưu thì quyết định không gián đoạn đạt được quả Nhất lai, đạt được quả A-la-hán thì quyết định tiếp sau quả Bất hoàn đạt được trước đó.

Lại nữa, hai quả đầu và cuối chắc chắn do lực của đạo vô lậu mà đạt được, cho nên chỉ nói hai quả ấy; hai quả ở giữa hoặc là do lực của đạo thế tục mà đạt được, cho nên ở đây không nói. Như do lực của đạo hữu lậu-vô lậu mà đạt được, do lực của đạo ràng buộc-giải thoát mà đạt được, nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, hai quả đầu và cuối đều vượt lên trên phi tướng phi phi tướng xứ mà đạt được, cho nên chỉ nói hai quả ấy. Nghĩa là quả Dự lưu vượt lên trên sự đạt được do kiến mà đoạn của phi tướng phi phi tướng xứ, quả A-la-hán vượt lên trên sự đạt được do tu mà đoạn của phi tướng phi phi tướng xứ.

Lại nữa, kinh này sơ lược hiển bày về phần bắt đầu tiến vào, vì vậy chỉ nói hai quả đầu và cuối, nghĩa là các quả Sa-môn, có quả đạt được nhờ vào kiến đạo, có quả đạt được nhờ vào tu đạo. Nếu nói quả Dự lưu thì nên biết là nói chung do kiến đạo mà đạt được, nếu nói quả A-la-hán thì nên biết là nói chung do tu đạo mà đạt được. Như kiến đạo-Tu đạo mà đạt được, như vậy kiến địa-Tu địa, vị tri đương tri căn-Dĩ tri căn đạt được nên biết cũng như thế.

Lại nữa, các quả Sa-môn, có quả nhờ vào phiền não do kiến mà đoạn không còn thiết lập, có quả nhờ vào phiền não do tu mà đoạn không còn để thiết lập. Nếu nói về quả Dự lưu thì nên biết là nói chung về quả nhờ vào phiền não do kiến mà đoạn không còn để thiết lập, nếu nói về quả A-la-hán thì nên biết là nói chung về quả nhờ vào phiền não do tu mà đoạn không còn để thiết lập. Như nhờ vào phiền não do kiến-tu mà đoạn không còn để thiết lập, như vậy nhờ vào phiền não không có sự-có sự không còn để thiết lập, nhờ vào phiền não do nhân mà đối trị, do trí mà đối trị không còn để thiết lập, nên biết cũng như thế.

Lại nữa, các quả Sa-môn, có quả nhờ vào đối trị hý luận về kiến để thiết lập, có quả nhờ vào đối trị hý luận về ái để thiết lập. Nếu nói

đến quả Dự lưu thì nên biết là nói chung về quả nhờ vào đối trị hý luận về kiến để thiết lập, nếu nói đến quả A-la-hán thì nên biết là nói chung về quả nhờ vào đối trị hý luận về ái để thiết lập. Như nhờ vào đối trị hai loại hý luận để thiết lập; như vậy nhờ vào đối trị hai bên hai mũi tên-hai căn tranh chấp để thiết lập, nên biết cũng như thế.

Lại nữa, các quả Sa-môn, hoặc nhờ vào phiền não lập tức đoạn mà đạt được hoặc nhờ vào phiền não dần dần đoạn mà đạt được. Nếu nói đến quả Dự lưu thì nên biết là nói chung về quả nhờ vào phiền não lập tức đoạn mà đạt được, nghĩa là cùng với người siêu việt đạt được quả Nhất lai-Bất hoàn; nếu nói đến quả A-la-hán thì nên biết là nói chung về quả nhờ vào phiền não dần dần đoạn mà đạt, nghĩa là cùng với người theo thứ tự đạt được quả Nhất lai-Bất hoàn.

Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên kinh này chỉ nói khiến cho người khác chứng được hai quả đầu và cuối, thì ân của người ấy khó đền đáp nổi.

Những người Dự lưu đã thành tựu pháp học, thì pháp này do quả Dự lưu thâm nhiếp chăng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Trước đây chỉ nói đến quả Sa-môn vô vi và hữu vi, cho nên soạn ra phần luận này. Trong này, những câu hỏi trước thì tóm lược-sau thì mở rộng, nghĩa là trước hỏi về pháp học vô học đã thành tựu, tiếp đến hỏi về pháp vô vô lậu đã thành tựu, sau hỏi về tất cả pháp đã thành tựu.

Hỏi: Những người Dự lưu đã thành tựu pháp học, thì pháp này do quả Dự lưu thâm nhiếp chăng?

Đáp: Hoặc thâm nhiếp, hoặc không thâm nhiếp, bởi vì nghĩa không nhất định.

Hỏi: Thế nào là thâm nhiếp?

Đáp: Quả Dự lưu hữu vi đã được không mất. Đã được, nghĩa là Tín thắng giải đã được Tín thắng giải do quả Dự lưu thâm nhiếp chủng tánh các căn, kiến chí đã được kiến chí do quả Dự lưu thâm nhiếp chủng tánh các căn. Không mất, nghĩa là Tín thắng giải không chuyển căn làm kiến chí, không mất đi tính thắng giải do quả Dự lưu thâm nhiếp chủng tánh các căn, hoặc không lui sụt mất đi.

Hỏi: Thế nào là không thâm nhiếp?

Đáp: Những người Dự lưu đã được thắng tiến về căn vô lậu bằng pháp hữu vi, nghĩa là lìa nhiễm thuộc sáu phẩm trước do tu mà đoạn của cõi Dục, và các đạo gia hạnh-sáu đạo vô gián-năm đạo giải thoát-các



đạo thắng tiến. Pháp học như vậy, người Dự lưu tuy thành tựu mà không phải là do quả Dự lưu thâm nhiếp, bởi vì đạo của thắng quả không phải là quả thâm nhiếp.

Hỏi: Giả sử pháp do quả Dự lưu thâm nhiếp thì pháp này là pháp học chẳng?

Đáp: Hoặc là Học, hoặc là phi học phi vô học, bởi vì nghĩa không nhất định.

Hỏi: Thế nào là học?

Đáp: Quả Dự lưu hữu vi, nghĩa là đạo loại trí... và quyền thuộc của các đạo ấy.

Hỏi: Thế nào là phi học phi vô học?

Đáp: Quả Dự lưu vô vi, nghĩa là pháp đoạn của ba cõi do kiến mà đoạn.

Hỏi: Những người Nhất lai đã thành tựu pháp học, thì pháp này do quả Nhất lai thâm nhiếp chẳng?

Đáp: Hoặc thâm nhiếp, hoặc không thâm nhiếp, bởi vì nghĩa không nhất định.

Hỏi: Thế nào là thâm nhiếp?

Đáp: Quả Nhất lai hữu vi được không mất. Đã được, nghĩa là Tín thắng giải đã được tín thắng giải do quả Nhất lai thâm nhiếp chủng tánh các căn, kiến chí đã được kiến chí do quả Nhất lai thâm nhiếp chủng tánh các căn. Không mất, nghĩa Tín thắng giải không chuyển căn làm kiến chí, không mất đi Tín thắng giải do quả Nhất lai thâm nhiếp chủng tánh các căn, hoặc không lui sụt mất đi.

Hỏi: Thế nào là không thâm nhiếp?

Đáp: Những người Nhất lai đã được thắng tiến về căn vô lậu bằng pháp hữu vi, nghĩa là lìa nhiễm thuộc ba phẩm sau do tu mà đoạn của cõi Dục, và các đạo gia hạnh-ba đạo vô gián-hai đạo giải thoát-các đạo thắng tiến. Pháp học như vậy, người Nhất lai tuy thành tựu mà không phải là do quả Nhất lai thâm nhiếp bởi vì đạo của thắng quả không phải là quả thâm nhiếp.

Hỏi: Giả sử pháp do quả Nhất lai thâm nhiếp thì pháp này là pháp học chẳng?

Đáp: Hoặc là Học, hoặc là phi học phi vô học, bởi vì nghĩa không nhất định.

Hỏi: Thế nào là Học?

Đáp: Quả Nhất lai hữu vi, nghĩa là đạo loại trí..., hoặc lìa nhiễm cõi Dục bằng đạo giải thoát thứ sáu và quyền thuộc của đạo ấy.



Hỏi: Thế nào là Phi học phi vô học?

Đáp: Quả nhất lai vô vi, nghĩa là pháp Đoạn của ba cõi do kiến mà đoạn, và pháp đoạn thuộc sáu phẩm của cõi Dục do tu đoạn.

Hỏi: Những người Bất hoàn đã thành tựu pháp học, thì pháp này do quả Bất hoàn thâm nhiếp chăng?

Đáp: Hoặc thâm nhiếp, hoặc không thâm nhiếp, bởi vì nghĩa không nhất định.

Hỏi: Thế nào là thâm nhiếp?

Đáp: Quả Bất hoàn hữu vi đã được không mất, đã được, nghĩa là tính thắng giải đã được Tín thắng giải do quả Bất hoàn thâm nhiếp chủng tánh các căn, kiến chí đã được kiến chí do quả Bất hoàn thâm nhiếp chủng tánh các căn. Không mất, nghĩa là Tín thắng giải không chuyển căn làm kiến chí, không mất đi tính thắng giải do quả Bất hoàn thâm nhiếp chủng tánh các căn, hoặc không lui sụt mất đi.

Hỏi: Thế nào là không thâm nhiếp?

Đáp: Những người Bất hoàn đã được thắng tiến về căn vô lậu bằng pháp hữu vi, nghĩa là lìa nhiễm của Tịch lự thứ nhất cho đến lìa nhiễm của phi tướng phi phi tướng xứ, các đạo gia hạnh-đạo vô gián, và đạo giải thoát-đạo thắng tiến hữu học. Pháp học như vậy, người Bất hoàn tuy thành tựu mà không phải là do quả Bất hoàn thâm nhiếp, bởi vì đạo của thắng quả không phải là quả thâm nhiếp.

Hỏi: Giả sử pháp do quả Bất hoàn thâm nhiếp thì pháp này là pháp học chăng?

Đáp: Hoặc là Học, hoặc là phi học phi vô học, bởi vì nghĩa không nhất định.

Hỏi: Thế nào là Học?

Đáp: Quả Bất hoàn hữu vi, nghĩa là Đạo loại trí..., hoặc lìa nhiễm cõi Dục bằng đạo giải thoát thứ chín và quyến thuộc của đạo ấy.

Hỏi: Thế nào là phi học phi vô học?

Đáp: Quả Bất hoàn vô vi, nghĩa là pháp đoạn của ba cõi do kiến mà đoạn, và pháp đoạn của cõi Dục do tu mà đoạn.

Hỏi: Các A-la-hán đã thành tựu pháp vô học, thì pháp này do quả A-la-hán thâm nhiếp chăng?

Đáp: Đúng như vậy, nghĩa là A-la-hán đã thành tựu tất cả đạo gia hạnh vô gián giải thoát thắng tiến đều là quả A-la-hán thâm nhiếp, bởi vì quả ấy không có đạo của thắng quả, không có thắng quả có thể hưởng đến cầu mong.

Hỏi: Giả sử pháp do quả qlh thâm nhiếp thì pháp này là pháp vô

học chẳng?

Đáp: Hoặc vô học, hoặc phi học phi vô học, bởi vì nghĩa không nhất định.

Hỏi: Thế nào là vô học?

Đáp: Quả A-la-hán hữu vi, nghĩa là Tận trí-vô sinh trí-chánh kiến vô lậu và quyền thuộc của loại ấy.

Hỏi: Thế nào là Phi học phi vô học?

Đáp: Quả A-la-hán vô vi, nghĩa là tất cả pháp Đoạn của ba cõi do kiến-tu mà đoạn.

Hỏi: Những người Dự lưu đã thành tựu pháp vô lậu, thì pháp này do quả Dự lưu thâm nhiếp chẳng?

Đáp: Hoặc thâm nhiếp, hoặc không thâm nhiếp, bởi vì nghĩa không nhất định.

Hỏi: Thế nào là thâm nhiếp?

Đáp: Quả Dự lưu hữu vi vô vi đã được không mất. Quả Dự lưu hữu vi, nghĩa là đạo loại trí... và quyền thuộc của loại ấy. Quả Dự lưu vô vi, nghĩa là pháp đoạn của ba cõi do kiến mà đoạn. Đã được, nghĩa là tín thắng giải đã được tín thắng giải do quả Dự lưu thâm nhiếp chủng tánh của các căn, kiến chí đã được kiến chí do quả Dự lưu thâm nhiếp chủng tánh các căn, và đã được pháp đoạn của ba cõi mà đoạn. Không mất nghĩa là Tín thắng giải không chuyển căn làm kiến chí, không mất đi Tín thắng giải do quả Dự lưu thâm nhiếp chủng tánh các căn, hoặc không lui sụt mất đi.

Hỏi: Thế nào là không thâm nhiếp?

Đáp: Những người Dự lưu đã được thắng tiến về căn vô lậu bằng pháp hữu vi, và họ đã chứng các kiết không còn, cùng với người Dự lưu đã thành tựu phi trạch diệt. Những người Dự lưu đã được thắng tiến về căn vô lậu bằng pháp hữu vi, nghĩa là lìa nhiễm thuộc sáu phẩm trước do tu mà đoạn cõi Dục, và các đạo gia hạnh sáu đạo vô gián-năm đạo giải thoát-các đạo thắng tiến; pháp vô lậu như vậy, người Dự lưu tuy thành tựu mà không phải là do quả Dự lưu thâm nhiếp, bởi vì đạo của thắng quả không phải là quả thâm nhiếp. Và họ đã chứng các kiết không còn, nghĩa là pháp đoạn do tu mà đoạn năm phẩm trước của cõi Dục, là do đạo của thắng quả mà chứng đoạn, như đạo của thắng quả không phải là quả này thâm nhiếp. Cùng với người Dự lưu đã thành tựu Phi trạch diệt, nghĩa là người Dự lưu đối với ba cõi và pháp vô lậu đạt được phi trạch diệt; họ tuy thành tựu phi trạch diệt này mà phi trạch diệt này không phải là quả Dự lưu thâm nhiếp. Nguyên cố thế nào? Bởi vì phi

trạch diệt là vô ký, mà quả Dự lưu là thiện.

Hỏi: Giả sử pháp do quả Dự lưu thâm nhiếp thì pháp này là pháp vô lậu chăng?

Đáp: Đúng như vậy, nghĩa là quả Dự lưu hữu vi và vô vi đều là vô lậu.

Hỏi: Những người Nhất lai đã thành tựu pháp vô lậu, thì pháp này do quả nhất lai thâm nhiếp chăng?

Đáp: Hoặc thâm nhiếp, hoặc không thâm nhiếp bởi vì nghĩa không nhất định.

Hỏi: Thế nào là thâm nhiếp?

Đáp: Quả nhất lai hữu vi-vô vi đã được không mất. Quả nhất lai hữu vi, nghĩa là đạo loại trí..., hoặc là lia nhiếp cõi Dục bằng đạo giải thoát thứ sáu và quyển thuộc của đạo ấy. Quả nhất lai vô vi, nghĩa là pháp đoạn do kiến mà đoạn của ba cõi, và pháp đoạn do tu mà đoạn thuộc sáu phẩm trước của cõi Dục. Đã được nghĩa là Tín thắng giải đã được Tín thắng do quả nhất lai thâm nhiếp chủng tánh các căn, kiến chí đã được kiến chí do quả nhất lai thâm nhiếp chủng tánh các căn, và được pháp đoạn do kiến mà đoạn của ba cõi, cùng với pháp đoạn do tu mà đoạn thuộc sáu phẩm trước của cõi Dục. Không mất, nghĩa là Tín thắng giải không chuyển căn làm kiến chí, không mất đi Tín thắng giải do quả nhất lai thâm nhiếp chủng tánh các căn, hoặc không lui sụt mất đi pháp này và pháp đoạn do tu mà đoạn thuộc sáu phẩm trước của cõi Dục.

Hỏi: Thế nào là không thâm nhiếp?

Đáp: Những người nhất lai đã được thắng tiến về căn vô lậu bằng pháp hữu vi, và họ đã chứng các kiết không còn, cùng với người nhất lai đã thành tựu phi trạch diệt. Những người nhất lai đã được thắng tiến về căn vô lậu bằng pháp hữu vi, nghĩa là lia nhiếp thuộc ba phẩm sau tu mà đoạn của cõi Dục, và các đạo gia hạnh-ba đạo vô gián-hai đạo giải thoát-các đạo thắng tiến; pháp vô lậu như vậy, người nhất lai tuy thành tựu mà không phải là do quả nhất lai thâm nhiếp, bởi vì đạo của thắng quả không phải là quả thâm nhiếp. Và họ đã chứng các kiết không còn, nghĩa là pháp đoạn do tu mà đoạn thuộc phẩm thứ bảy-thứ tám của cõi Dục, là do đạo của thắng quả mà chứng đoạn, như đạo của thắng quả không phải là quả này thâm nhiếp. Cùng với người nhất lai đã thành tựu phi trạch diệt, nghĩa là người nhất lai đối với ba cõi và pháp vô lậu được phi trạch diệt; học tuy thành tựu phi trạch diệt này, mà phi trạch diệt này không phải là quả nhất lai thâm nhiếp. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì Phi trạch diệt là vô ký, mà quả nhất lai là thiện.

Hỏi: Giả sử pháp do quả nhất lai thân nhiếp thì pháp này là pháp vô lậu chăng?

Đáp: Đúng như vậy, nghĩa là quả nhất lai hữu vi-vô vi đều là vô lậu.

